

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST

Ngày 19 tháng 7 năm 2019

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến

2. Bà Bùi Thị Thiềm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: thôn X, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Ông Trần T, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: thôn X, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng tại tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh trình bày:

Bà A kết hôn với ông Trần T do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 10/5/1993. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sinh sống tại thôn X, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian dài và có với nhau 03 người con chung, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Thời gian gần đây, ông T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, về nhà đánh đập, hành hạ vợ con, sự việc xảy ra nhiều lần làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm

trọng không thể hàn gắn được, không còn tình cảm thương yêu nhau, bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trần T.

Về con chung: Bà A và ông T có 03 con chung: Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1993; Trần Thanh T2, sinh năm 1996; Trần Thị Thanh N, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2005. Khi ly hôn, các cháu T1 và T2 đã thành niên và phát triển bình thường nên vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu N là người chưa thành niên, bà A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không nợ ai khoản nợ nào.

Bị đơn: ông Trần T đã được thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc nên không tiến hành lấy được lời khai của ông Thanh.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56; 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

+ Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị A, cho bà A được ly hôn với ông Trần T.

+ Về con chung: Bà A và ông Thanh có 03 con chung: Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1993; Trần Thanh T2, sinh năm 1996; Trần Thị Thanh N, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2005. Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, trên cơ sở xem xét nguyện vọng của con chưa thành niên và tình hình thực tế của các đương sự. Cần giao con chung Trần Thị Thanh N, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2005 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà A không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

- Về tài sản chung: Bà A không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị A có đơn khởi kiện xin ly hôn ông Trần T và xin nuôi con. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con*”, bị đơn ông Trần T cư trú tại đội 1, thôn X, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn ông Trần T, nhưng ông T không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị A và ông Trần T đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện K vào ngày 10/5/1993, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian dài, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng không còn tình cảm dẫn đến mâu thuẫn, xô xát đánh đập nhau. Sự việc xảy ra nhiều lần làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng mà không thể hàn gắn được, nay bà A yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, bà A và ông T hiện cư trú tại thôn X, xã B, huyện K. Quá trình chung sống giữa ông bà thường xảy ra mâu thuẫn, xô xát đánh đập nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp. Chính quyền địa phương, công an xã B đã hòa giải, can thiệp, xử lý nhưng không có kết quả.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông T đã xảy ra, mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, việc kéo dài tình trạng hôn nhân sẽ không đem lại kết quả tốt cho các bên. Từ những nhận định trên, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A, cho bà A được ly hôn với ông T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Bà A và ông T hiện có 03 con chung: Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1993; Trần Thanh T2, sinh năm 1996; Trần Thị Thanh N, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2005. Khi ly hôn, các con chung T1 và T2 đã thành niên và phát triển bình thường nên vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đề cập. Còn cháu N là người chưa

thành niên, quá trình tham gia tố tụng, bà A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, cháu N cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp và có căn cứ pháp luật. Cần giao con chung Trần Thị Thanh N cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà A không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Nguyên đơn bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ*: Bà A xác định không có nợ chung nên không đề cập.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị A.

1. *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị A được ly hôn ông Trần T.

2. *Về con chung*: Giao con chung Trần Thị Thanh N, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2005 cho cho bà Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, biên lai số 9324 ngày 08 tháng 3 năm 2019.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã B, K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên

